

DANH SÁCH

Các thôn sau sáp nhập trên địa bàn xã Vũ Lễ

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND, ngày 22/6/2026 của HĐND xã Vũ Lễ)

TT	Thôn, tổ dân phố thực hiện sáp nhập				Thôn mới hình thành sau sáp nhập, đặt tên			
	Thôn, tổ dân phố	Số hộ gia đình	Số nhân khẩu	Nội dung sắp xếp, sáp nhập	TT	Tên thôn, tổ dân phố	Số hộ gia đình	Số nhân khẩu
1	Thôn Nà Pán	132	546	Sáp nhập nguyên trạng diện tích và dân số của 02 thôn Nà Pán và Nà Danh	1	Thôn Vũ Sơn	272	1132
2	Thôn Nà Danh	140	586					
3	Thôn Nà Tân	167	764					
4	Thôn Nà Quế	98	419	Sáp nhập nguyên trạng diện tích và dân số của 02 thôn Hồng Sơn và Nà Quế	3	Thôn Nà Quế	160	694
5	Thôn Hồng Sơn	62	275					
6	Thôn Phúc Tiến	116	502	Sáp nhập nguyên trạng diện tích và dân số của 02 thôn Phúc Tiến và Bình An	4	Thôn Phúc Tiến	175	785
7	Thôn Bình An	59	283					
8	Thôn Hồng Minh	150	609	Sáp nhập nguyên trạng diện tích và dân số của 02 thôn Hồng Minh và Hồng Vi	5	Thôn Chiến Thắng	282	1172
9	Thôn Hồng Vi	132	563					
10	Thôn Hồng Phong 1	84	335	Sáp nhập nguyên trạng diện tích và dân số của 02 thôn Hồng Phong 1 và Hương Cốc	6	Thôn Hương Cốc	187	766
11	Thôn Hương Cốc	103	431					
12	Thôn Hoan Trung	125	515	Sáp nhập nguyên trạng diện tích và dân số của 03 thôn Hoan Trung, Pá Te và Hoan Thượng	7	Thôn Hoan Trung	299	1295
13	Thôn Pá Te	81	347					
14	Thôn Hoan Thượng	93	433					
15	Thôn Lân Kẽm	79	382	Giữ nguyên	8	Thôn Lân Kẽm	79	382
16	Thôn Ngả Hai	205	901	Giữ nguyên	9	Thôn Ngả Hai	205	901
17	Thôn Quang Tiến	158	709	Giữ nguyên	10	Thôn Quang Tiến	158	709

TT	Thôn, tổ dân phố thực hiện sáp nhập				Thôn mới hình thành sau sáp nhập, đặt tên			
	Thôn, tổ dân phố	<i>Số hộ gia đình</i>	<i>Số nhân khẩu</i>	Nội dung sắp xếp, sáp nhập	TT	Tên thôn, tổ dân phố	<i>Số hộ gia đình</i>	<i>Số nhân khẩu</i>
18	Thôn Vũ Lâm	257	1032	Giữ nguyên	11	Thôn Vũ Lâm	257	1032
19	Thôn Minh Tiến	183	786	Sáp nhập nguyên trạng diện tích và dân số của 02 thôn Minh Tiến và	12	Thôn Quang Minh	303	1308
20	Thôn Quang Thái	120	522					
21	Thôn Thống Nhất	179	835	Sáp nhập nguyên trạng diện tích và dân số của 02 thôn Thống Nhất và	13	Thôn Thống Nhất	229	1045
22	Thôn Khuôn Bông	50	210					
23	Thôn Kha Hạ	127	605	Giữ nguyên	14	Thôn Kha Hạ	127	605
	Cộng	2900	12590				2900	12590